TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/6/2018
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngạch và Ông Đặng Công Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Văn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Thái Nữ Trâm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án thụ lý số 09/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Xóm X, xã V, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; Địa chỉ: Xóm Y, xã B, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2018, bản tự khai ngày 06/02/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Trên cơ sở được tự do, tự nguyện tìm hiểu, chị T và anh Nguyễn Văn Đ đã tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông trường 20/4 (nay là UBND xã T), huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 20/6/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã B, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Tình cảm vợ chồng sống hòa thuận được 14 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do anh Đ không quan tâm, không có trách nhiệm nuôi con để chị một mình gánh vác. Đến tháng 8 năm 2012 chị cùng các con về xã T sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T làm đơn xin được ly hôn với anh Đ.

Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 14/7/2000 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 16/01/2005 hiện nay đang sống cùng với chị T. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ:* Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành tống đạt cho anh Đ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh Đảm không hợp tác, không ký nhận văn bản, không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến của mình.

- *Ý kiến của cháu Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Thị Thanh N trình bày:* Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là được sống cùng với mẹ là chị Thu.

- *Ý kiến của vị đại diện VKSND huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ không hợp tác, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, đồng ý cho chị T ly hôn với anh Đ; Về con chung, áp dụng khoản 1, 3 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Thanh N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; Về tài sản, không đề nghị giải quyết nên không xem xét; Về án phí, buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Chị Lê Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ cư trú tại xóm Y, xã B, huyện Hương Khê. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn. Mặc dù anh Đ có mặt tại địa phương nhưng không ký nhận, Tòa án đã lập biên bản theo khoản 4 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời thực

hiện thủ tục niêm yết công khai thông báo thụ lý tại Trụ sở UBND xã Hương Bình theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân huyện Hương Khê đã hai lần tống đạt trực tiếp Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ, nhưng anh Đ đều không ký nhận, Tòa án đã lập biên bản và thực hiện thủ tục niêm yết văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Đ vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập hợp lệ các đương sự để mở phiên tòa theo đúng quy định. Tại phiên tòa ngày 24/5/2018 bị đơn anh Đ vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa, triệu tập hợp lệ các đương sự theo đúng quy định tại Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ hai vắng mặt bị đơn anh Đ không rõ lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông trường 20/4 (nay là UBND xã T) vào ngày 20/6/1998, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày, lý do chị xin ly hôn là do anh Đ không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm nuôi con để chị một mình gách vác, do đó chị cùng các con phải về xã T sinh sống và hai người sống ly thân từ tháng 8/2012. Hội đồng xét xử xét thấy anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 14/7/2000 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 16/01/2005. Chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Cháu D, cháu N có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu muốn được sống cùng với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy hiện hai cháu D và N đang sinh sống cùng chị T và nguyện vọng của các cháu đều mong muốn ở cùng chị T, do đó cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao hai cháu D và N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp thực tế cũng như phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Đ có quyền đi lại, thăm nom nuôi con không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 57; 58; khoản 1, 3 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2010 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2005 cho chị Lê Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở; đồng thời anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0004143 ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự huyện Hương Khê.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- Lưu HS, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Nguyễn Thanh Tùng